

Nét bình dân trong thơ Bùi Giáng

Cho đến bây giờ, Bùi Giáng vẫn còn là một hiện tượng lạ và kì thú trong dòng văn học Việt Nam. Những nhà phê bình trong và ngoài nước mấy chục năm nay đã tốn không ít giấy mực, thậm chí đấu khẩu nhau để nhằm chỉ một mục đích là giải thích hai câu hỏi: Bùi Giáng là ai? Nên hiểu thơ Bùi Giáng như thế nào? Có kẻ góI thơ thi sĩ họ Bùi và cả con người ông vào một chữ “Điên”.

Người lạ quan thì dành cho ông hai chữ “Thiên tài”. Lại có ai đó trộn hai tên gọi trên để thành một cái tên nghe ngồ ngộ mà cũng có lí : “Thiên tài Điên”

Tôi là kẻ hậu sanh, đọc thơ Bùi Giáng cũng chưa nhiều, có bài hiểu hoàn toàn, có bài hiểu dở dang và cũng có bài không thể hiểu. Nhưng, trong mỗi bài thơ ông, tôi đều tìm thấy ít nhiều hơi thở cuộc sống được thể hiện một cách tự nhiên, chân thực.

Nhiều người đọc thơ Bùi Giáng, mới vài câu chưa hiểu hoặc nghe ai đó nói rằng ông “Điên” thì đã vội vàng đưa ra kết luận

không thật đúng. Tôi nghĩ rằng tại sao chúng ta không tiếp cận từ khía cạnh dễ hiểu nhất để rồi xích lại gần hơn để hiểu thêm thơ và người thơ ấy. Đó là nét bình dân trong thơ Bùi Giáng

Trước tiên, trong thơ Bùi Giáng, có những bài hay những đoạn là nguyên mẫu của những cuộc nói chuyện hằng ngày. Không cầu kì, trau chuốt, những lời trao đáp rơi ra nhẹ nhàng từ trong thơ ông, mang đậm tâm hồn và văn hoá bình dân Việt :

- Mình ơi! Tôi gọi bằng nhà

Nhà tôi! Tôi gọi mình là nhà tôi

Bây giờ xuôi ngược đôi nơi

Thôi mình ở lại tôi dòi chân đi

Thưa rằng: - Ở cái quái gì

Chàng đi thiếp cũng xin đi với chàng

(Về buôn bán)

Rất rõ ràng và dễ hiểu, đoạn thơ là sự hợp lưu của những ngôn từ mộc mạc bình dị. Lời gọi “ Mình ơi!” và “ Nhà tôi!” nghe mới thân thương và trù mển làm sao. Nó chất chứa biết bao tình cảm mặn nồng từ thuở “một ngày nên nghĩa”. Nếu không xuất phát từ một tình cảm thật, chân thành, không dễ gì buột miệng mà nói được hai tiếng thân thương mà thiêng liêng ấy (Trừ những kẻ giả dối ra). Còn, câu đáp cuối cùng buộc ra đúng như lời một phụ nữ chân quê, không câu nệ, khuôn sáo trong mỗi câu mỗi chữ :

Thưa rằng : - Ở cái quái gì

Chàng đi thiếp cũng xin đi với chàng

Nhưng, đằng sâu những từ tưởng chừng như thô ấy là cái đức “tòng phu” của người vợ, cái chung thủy đáng trọng, cái truyền

thống dân tộc định hình rõ nét. Và chẳng, ở đây, ta còn nhận ra nét đặc trưng của người Quảng Nam : cái bộc trực nhưng chứa chan tình cảm. Nét đặc trưng ấy giúp cho người Quảng không thể lẫn đi đâu được dù ở giữa rất nhiều người. Ai nông cạn sẽ thấy khó chịu bởi cái sở sàng bộc trực ấy. Nhưng, suy sâu một chút, sẽ thấy rất quý cái tính “trong mát ngoài nóng” ấy

Ở một đoạn thơ khác, ta cũng dễ dàng bắt gặp cách đối đáp chân thành, cởi mở và hết sức dung dị:

Bảo rằng: Xích lại đây xem

Buồn hung quá vậy thì em chết mòn

Bây giờ tính chuyện con con

Em bằng lòng chứ? Em còn hai môi?

Mở ra em thử ngượng cười

Rồi sẽ tính chuyện tháng mười chừ đây

Anh về quảy gánh lên vai

Ra đi buôn bán kiếm vài đồng lạng

Trở về liều liệu xem chừng

Coi mà có đủ - Ta cùng cưới nhau

(Vòng tại thể)

Trước tiên, đọc đoạn thơ lên, ta cảm giác có âm hưởng của những lời ca dao dân ca quen thuộc, lại như có tiếng nói hằng ngày hết sức gần gũi. Điều đặc biệt, tôi muốn tập trung đến hai từ “hung” và “chừ”. Đây là hai từ được dùng khá phổ biến trong giao tiếp hằng ngày của người bình dân Quảng Nam ta. Từ “hung” tạm hiểu là “nhiều”, là “quá mức”. Bạn bè lâu ngày gặp nhau, câu đầu tiên sẽ hỏi rằng : “ Chu Choa! Răng bữa ni mi mập hung rứa mi?”. Sau ba điều bốn chuyện, đến chuyện làm ăn, nhà cửa, chắc chắn cũng sẽ hỏi nhau một câu : “ Răng mi làm hung rứa mi?”. Nghe rất gần gũi thân tình mà thể hiện được sự quan tâm, chu đáo với nhau. Từ “chừ” diễn tả khoảng thời gian gần.

Cái hay ở từ “chừ” mà người Quảng Nam ta hay dùng là dùng để nói về thời gian ngay lúc này cũng được mà dùng chỉ tương lai gần cũng được. Có gì đầm ấm hơn khi người chồng đi làm đồng về trưa, gọi vợ : “ Bà ơi! Múc cho tui gáo nước!”. Người vợ đang loay hoay dưới bếp nói vọng ra : “Để đó tui múc chừ!”. Nói là “chừ” nhưng chị vợ cũng còn nấu xong nồi cơm nồi canh. Còn chồng, ngồi trên cái chõng trước sân dưới bóng cây mà phe phẩy cái nón cời cho đỡ nóng. Đấy, chúng ta thấy đẹp và tinh tế biết chừng nào hai từ “hung” và “chừ” ấy. Bùi Giáng đã mang được cả xác và hồn của “hung” và “chừ” vào đoạn thơ trên để tạo ra một chút quan tâm nhẹ nhàng mà hết sức thành thực, một lời hứa để đối phương đợi chờ trong niềm vui và hồi hộp. Tài thay!

Nét bình dân trong thơ Bùi Giáng còn được thể hiện bởi ông đã đưa vào thơ những vật cũng như những hành động hết sức đời thường. Ta thử đọc hai câu cuối của bài “Tượng số”:

Ừ té ra sân ta chộp lấy

Gà con sợ hãi chui vô rào

Còn gì gần gũi hơn khi thơ là cảm xúc lúc “ừ té ra sân”, hay khoảnh khắc trông thấy “gà con sợ hãi chui vô rào”. Cần gì phải đánh đố, chơi chữ với người đọc. Cứ ghi thật cảm xúc mình, ghi thật những gì xảy ra mà mình “chộp” được, xếp lại trên mặt giấy theo logic của chính mình. Đây là thứ “thơ” nhất trong những loại thơ. Tôi tin như vậy.

Và, điều cuối cùng tôi muốn lấy những bài thơ như “ Nỗi lòng Tô Vũ” hay “Anh lừa bò vào đồi sim trái chín” để làm sáng thêm nét bình dân trong thơ thi sĩ họ Bùi. Những cảnh chăn bò, chăn dê được ông đưa vào thơ, hoà cùng cảm xúc của mình, tạo thành những bức tranh tuyệt tác. Nhưng, ngắm những bức tranh ấy, ta vẫn luôn cảm thấy có một độ gần nhất định, thấy lòng rung lên những cảm xúc rất đối bình dị, hiền hoà. Tiếng kêu “be be” của đàn dê cùng những chiếc vòng mà “chàng” Bùi khoác lên cổ mỗi